

Số: /TB-ĐHCN

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

THÔNG BÁO TUYỂN SINH ĐÀO TẠO THẠC SĨ ĐỢT 2 NĂM 2024

A. THÔNG TIN CHUNG

Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHCN) tổ chức tuyển sinh trình độ thạc sĩ đợt 2 năm 2024 theo 2 phương thức xét tuyển (XT) và xét tuyển thẳng (XTT) với thời gian đào tạo chuẩn là 2 năm.

Bảng 1. Danh sách các chương trình đào tạo thạc sĩ tuyển sinh năm 2024

STT	Chương trình đào tạo	Chỉ tiêu dự kiến
1.	Khoa học máy tính	60
2.	Kỹ thuật phần mềm	20
3.	Mạng máy tính và Truyền thông dữ liệu	10
4.	Hệ thống thông tin	20
5.	An toàn thông tin	10
6.	Kỹ thuật điện tử Với 3 chuyên ngành: Bán dẫn và vi mạch; Kỹ thuật máy tính; Xử lý tín hiệu và truyền thông	40
7.	Vật lý kỹ thuật (chuyên ngành Vật liệu và linh kiện nano)	10
8.	Cơ kỹ thuật	05
9.	Kỹ thuật cơ điện tử	10
10.	Kỹ thuật xây dựng Với 2 chuyên ngành: Kỹ thuật xây dựng; Quản lý đô thị và công trình	15
Tổng chỉ tiêu		200

Lưu ý: Chỉ tiêu tuyển sinh có thể được điều chỉnh để phù hợp với tình hình thực tế, không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của thí sinh dự tuyển.

B. TUYỂN SINH ĐỢT 2/2024

1. YÊU CẦU ĐỐI VỚI NGƯỜI DỰ TUYỂN

1.1. Yêu cầu về chuyên môn

Thí sinh đã tốt nghiệp đại học hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; hạng tốt nghiệp từ Khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu.

Lưu ý:

- Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;
- Ngành phù hợp là ngành đào tạo trình độ đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) trang bị cho người học nền tảng chuyên môn cần thiết để học tiếp chương trình đào tạo thạc sĩ của ngành tương ứng, được quy định cụ thể trong Phụ lục 4;
- Trường hợp thí sinh phải học bổ sung kiến thức: căn cứ vào bảng điểm đại học, Hội đồng tuyển sinh sẽ thông báo cụ thể học phần mà thí sinh cần bổ sung (tối đa trong Phụ lục 4). Thí sinh phải hoàn thành học phần bổ sung trước khi dự tuyển.
- Trường hợp thí sinh đã tốt nghiệp bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp hoặc ngành đào tạo chưa được liệt kê trong Phụ lục 4, sẽ được Hội đồng tuyển sinh xem xét, quyết định.

1.2. Yêu cầu về ngoại ngữ

Thí sinh có năng lực Tiếng Anh từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, được minh chứng bằng một trong các văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận sau:

- + Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ tiếng Anh, ngành sư phạm ngôn ngữ tiếng Anh hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành được thực hiện bằng ngôn ngữ tiếng Anh;
- + Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do các đơn vị đào tạo trong ĐHQGHN cấp trong thời gian không quá 2 năm tính đến ngày đăng ký dự tuyển;
- + Một trong các chứng chỉ tiếng Anh đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam trong thời hạn 2 năm kể từ ngày thi chứng chỉ đến ngày đăng ký dự tuyển, được cấp bởi các cơ sở tổ chức thi chứng chỉ ngoại ngữ được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận và chứng chỉ được cấp theo đúng mẫu do BGD&ĐT quy định;
- + Chứng nhận VNU Tests tiếng Anh bậc 3 trở lên theo quy định trong thời hạn 2 năm kể từ ngày thi chứng nhận đến ngày đăng ký dự tuyển.

Lưu ý: Nhà trường không chấp nhận sử dụng chứng chỉ ngoại ngữ thi theo hình thức trực tuyến.

1.3. Yêu cầu khác

- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận;
- Có đủ sức khỏe để học tập;

- Nộp hồ sơ và lệ phí dự tuyển đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định.

2. PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH

2.1. Xét tuyển thẳng: Đánh giá hồ sơ

2.2. Xét tuyển: Đánh giá hồ sơ và thi vấn đáp chuyên môn

Danh mục các ngành, phương thức và chỉ tiêu tuyển sinh từng ngành như trong Phụ lục 5.

3. TỔ CHỨC XÉT TUYỂN THĂNG

3.1. Điều kiện xét tuyển thẳng

Các thí sinh đăng ký dự tuyển đào tạo thạc sĩ đợt 2 năm 2024 tại trường Đại học Công nghệ, đáp ứng các yêu cầu đối với người dự tuyển (nêu trong Mục 1) được xét tuyển thẳng nếu có bằng tốt nghiệp trình độ đại học đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

- + Tốt nghiệp đại học chính quy ngành đúng hạng Khá trở lên của ĐHQGHN trong thời hạn 12 tháng (tính đến thời điểm nộp hồ sơ) thuộc các CTĐT tài năng, tiên tiến, chuẩn quốc tế, chất lượng cao (được nhà nước đầu tư) hoặc các CTĐT đã kiểm định bởi các tổ chức kiểm định được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận (các CTĐT này phải còn thời hạn kiểm định tại thời điểm thí sinh đang học tập ở trình độ đại học);
- + Tốt nghiệp đại học chính quy ngành đúng hạng Giỏi trở lên trong thời hạn 12 tháng (tính đến thời điểm nộp hồ sơ) các CTĐT chuẩn, chất lượng cao theo Thông tư 23/2014/TT-BGDĐT của ĐHQGHN hoặc các CTĐT ngoài ĐHQGHN đã kiểm định bởi các tổ chức kiểm định được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận (các CTĐT này phải còn thời hạn kiểm định tại thời điểm thí sinh đang học tập ở trình độ đại học);

Tốt nghiệp một số ngành đại học chính quy ngành phù hợp của ĐHQGHN (Phụ lục 3) hạng Giỏi trở lên trong thời hạn 12 tháng (tính đến ngày nộp hồ sơ).

3.2. Quy định về mức điểm thưởng thành tích nghiên cứu khoa học

Điểm thưởng về thành tích nghiên cứu khoa học được cộng thêm vào điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa của thí sinh để xét tuyển thẳng. Cụ thể như sau:

Đối với công trình nghiên cứu khoa học sinh viên:

- + Đạt giải thưởng cấp ĐHQGHN hoặc cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo: giải nhất: 0.2 điểm, giải nhì 0.15 điểm, giải ba 0.1 điểm, giải khuyến khích 0.07 điểm.
- + Đạt giải thưởng cấp trường hoặc cấp khoa trực thuộc: giải nhất 0.1 điểm, giải nhì 0.07 điểm, giải ba 0.05 điểm.

- + Đối với bài báo khoa học: Đăng ở tạp chí ISI: 0.3 điểm; Đăng trên tạp chí Scopus/quốc tế khác: 0.2 điểm; Đăng trên kỷ yếu Hội nghị, hội thảo khoa học cấp quốc tế/quốc gia: 0.15 điểm.

Sinh viên có nhiều thành tích thì được tích lũy điểm thưởng nhưng không quá 0.5 điểm.

3.3. Thời gian tổ chức xét tuyển thẳng

- Thời gian nộp hồ sơ: đến ngày 22/8/2024.
- Công bố danh sách thí sinh đủ điều kiện dự thi: trước 17h ngày 07/9/2024.
- Những thí sinh không được tuyển thẳng có thể tham dự xét tuyển vào ngày 14/9/2024.

3.4. Nguyên tắc xét tuyển thẳng

- Xét đúng các đối tượng đã quy định tại Mục 3.1, xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến khi hết chỉ tiêu.

4. XÉT TUYỂN

4.1. Điều kiện xét tuyển

- Các thí sinh đăng ký dự tuyển thạc sĩ đợt 2 năm 2024 tại trường Đại học Công nghệ, đáp ứng các yêu cầu đối với người dự tuyển (nêu trong Mục 1).

4.2. Hình thức xét tuyển

- Đánh giá hồ sơ và thi vấn đáp chuyên môn.

4.2.1. Tiêu chí đánh giá thí sinh: bao gồm 3 nội dung:

- Đánh giá hồ sơ thí sinh;
- Đánh giá động cơ và mục đích học tập của thí sinh;
- Đánh giá kiến thức, nhận thức chuyên môn và năng lực, hiểu biết về chuyên ngành đào tạo.

4.2.2. Các mốc thời gian xét tuyển

- + Đăng ký xét tuyển: đến 17h, ngày 23/8/2024;
- + Đánh giá hồ sơ: theo lịch của Hội đồng tuyển sinh;
- + Thi vấn đáp chuyên môn: Ngày 14/9/2024 (thứ Bảy);
- + Thi tiếng Anh (bài thi VNU-Tests): 15/9/2024.
- Thông báo kết quả xét tuyển: trước ngày 02/10/2024 trên phần mềm <http://tssdh.vnu.edu.vn> và website <http://uet.vnu.edu.vn>
- Triệu tập thí sinh trúng tuyển: trước ngày 26/10/2024.
- Thời gian khai giảng và thời gian đào tạo: bắt đầu từ tháng 12/2024.

Lưu ý: Thí sinh có nhu cầu thi để cấp chứng nhận VNU-Tests đăng ký trực tiếp với Trường ĐHNN. Ngoài đợt thi trong kỳ tuyển sinh nói trên, Trường ĐHNN có tổ chức thêm nhiều đợt thi khác trong năm và không giới hạn số lần thí sinh dự thi (xem lịch thi tại <https://dangky.ulis.vnu.edu.vn/vnu-tests/>).

5. ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

Việc đăng ký dự tuyển được thực hiện theo hai bước:

Bước 1: Đăng ký trên phần mềm tuyển sinh sau đại học

- Thí sinh truy cập vào phần mềm tuyển sinh sau đại học của ĐHQGHN tại địa chỉ: <http://tssdh.vnu.edu.vn> và thực hiện đăng ký dự thi trực tuyến theo hướng dẫn. Thí sinh đã đăng ký tài khoản trong những kỳ tuyển sinh trước và chưa nhập học tại bất kỳ đơn vị nào trong ĐHQGHN có thể sử dụng tài khoản đã có để đăng ký dự tuyển trong năm 2024. Thí sinh phải cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực trong các thông tin khai báo.
- Thời gian đăng ký: **đến ngày 22/8/2024**
- **Thí sinh không hoàn thành việc đăng ký trực tuyến sẽ không đủ điều kiện dự tuyển**

Bước 2: Nộp hồ sơ bản cứng

- Thí sinh chuẩn bị đầy đủ hồ sơ gồm:
 - + Phiếu đăng ký dự tuyển đào tạo thạc sĩ (in từ phần mềm);
 - + Sơ yếu lý lịch (Mẫu 1);
 - + Bản sao công chứng bằng tốt nghiệp đại học, bằng điểm đại học; minh chứng năng lực tiếng Anh; chứng nhận công nhận văn bằng của Cục Quản lý Chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo trong trường hợp bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp;
 - + Bản khai thành tích học tập và nghiên cứu khoa học (nếu có);
 - + Bản sao công chứng giấy khen, giấy chứng nhận giải thưởng nghiên cứu khoa học các cấp (nếu có); Bản photocopy bài báo hoặc báo cáo khoa học (nếu có);
 - + Chứng nhận bổ sung kiến thức (nếu có).
- Thời gian nộp hồ sơ: **đến 17h ngày 23/8/2024.**
- Địa điểm nộp hồ sơ: Phòng Đào tạo, Trường Đại học Công nghệ - phòng 107, nhà E3, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội.
- Thí sinh có thể nộp trực tiếp hoặc chuyển qua đường bưu điện. Nếu hồ sơ chuyển qua đường bưu điện sẽ tính theo dấu bưu điện.

6. LỆ PHÍ DỰ TUYỂN

Lệ phí: 420.000đ/thí sinh (áp dụng cho tất cả thí sinh xét tuyển thẳng và xét tuyển), nộp bằng cách chuyển khoản, thông tin như sau:

- o Tên Tài khoản: Trường Đại học Công nghệ - ĐHQGHN
- o Số TK: 21510001973669 tại Ngân hàng BIDV Cầu Giấy, Hà Nội
- o Nội dung chuyển khoản: **Mã ĐKDT_Họ tên thí sinh_TS SDH đợt 2_2024.**

Ghi chú: Mã ĐKDT – Mã đăng ký dự tuyển của thí sinh được cấp khi thí sinh đăng ký thành công trên cổng thông tin tuyển sinh và hiển thị ngay tại đầu của phiếu ĐKDT.

7. HỌC PHÍ, HỌC BỔNG TRONG QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

- Học phí năm học 2024-2025: 33.000.000 đ/năm học.

- Lộ trình tăng học phí đào tạo bậc thạc sĩ tuân theo quy định của nhà nước và các quy định khác có liên quan.
- Học bổng hỗ trợ học tập theo quy định của Trường ĐHCN và của ĐHQGHN. Ngoài ra, còn có nhiều học bổng tài trợ do các tổ chức, cơ quan, doanh nghiệp và cá nhân tài trợ.
- Học bổng đầu vào toàn phần của Samsung dành cho học viên chuyên ngành Bán dẫn và vi mạch.
 - o Thông tin chi tiết học bổng tại: <https://bit.ly/VNU-STT>
 - o Thí sinh quan tâm đăng ký thông tin tư vấn tại: <https://bit.ly/V-STT>

8. THÔNG TIN CHI TIẾT LIÊN HỆ:

Phòng Đào tạo, Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội

Phòng 107-E3, 144 Đường Xuân Thủy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (04) 3754 7865 hoặc hotline 0987673043

Website: <http://uet.vnu.edu.vn> mục Tuyển sinh/Tuyển sinh Sau đại học.

Trang fanpage: <https://www.facebook.com/tuyensinh.saudaihoc.dhcn>

Nhóm Zalo hỗ trợ tư vấn: <https://zalo.me/g/ikiqfc094>



Trân trọng thông báo./.

**HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HĐTS SDH NĂM 2024**

Nơi nhận:

- Các cơ sở đào tạo liên quan;
- Các đơn vị trong trường;
- Website của Trường ĐHCN, thí sinh dự thi;
- Lưu: VT, ĐT, VT.15.

Chữ Đức Trình

Phụ lục 1

**Bảng tham chiếu mức điểm tối thiểu một số chứng chỉ Ngoại ngữ tương đương Bậc 3, Bậc 4
theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam**

(Kèm theo Thông báo số /TB-ĐHCN ngày tháng năm 2024 của Trường Đại học Công nghệ)

Tiếng Anh

Khung năng lực ngoại ngữ VN	IELTS	TOEFL	Cambridge Exam	Pearson English International Certificate (PEIC)	APTIS ESOL	Vietnamese Standardized Test of English Proficiency (*)
Bậc 3	4.5	42 iBT	A2 Key 140 B1 Preliminary: 140 B2 First: 140 B1 Business Preliminary 140 B2 Business Vantage: 140	Level 2	B1	VSTEP.3-5 (4.0)
Bậc 4	5.5	72 iBT	B1 Preliminary: 160 B2 First: 160 C1 Advanced: 160 B1 Business Preliminary 160 B2 Business Vantage: 160 C1 Business Higher: 160	Level 3	B2	VSTEP.3-5 (6.0)

Ghi chú: (*) chứng chỉ tiếng Anh VSTEP được cấp theo mẫu do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tại Thông báo số 691/TB-QLCL ngày 08 tháng 5 năm 2020 (xem mẫu tại: https://bit.ly/mau_ccvstep).

Phụ lục 2

Danh sách các cơ sở cấp chứng chỉ, chứng nhận ngoại ngữ được công nhận trong tuyển sinh sau đại học của ĐHQGHN

(Kèm theo Thông báo số /TB-ĐHCN ngày tháng năm 2024 của Trường Đại học Công nghệ)

1. Chứng chỉ tiếng Anh VSTEP

ĐHQGHN công nhận tất cả các cơ sở cấp chứng chỉ tiếng Anh VSTEP được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận. Dưới đây là danh sách các cơ sở cấp chứng chỉ tiếng Anh VSTEP đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp phép (tính đến ngày 29/02/2024).

STT	Cơ sở cấp chứng chỉ, chứng nhận	STT	Cơ sở cấp chứng chỉ, chứng nhận
1.	Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐHQGHN	16.	Trường Đại học Ngoại thương
2.	Trường ĐH Hà Nội	17.	Học viện Khoa học quân sự
3.	Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐH Huế	18.	Học viện Cảnh sát nhân dân
4.	Trường ĐH SP TP. Hồ Chí Minh	19.	Trường Đại học Quy Nhơn
5.	Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐH Đà Nẵng	20.	Trường Đại Học Tây Nguyên
6.	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	21.	Trường Đại học Sài Gòn
7.	Đại học Bách khoa Hà Nội	22.	Trường Đại học Văn Lang
8.	Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia TP.HCM	23.	Trường Đại học Trà Vinh
9.	ĐH Thái Nguyên	24.	Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM
10.	Trường ĐH Cần Thơ	25.	Trường Đại Học Công nghiệp TP.HCM
11.	Trường Đại học Nam Cần Thơ	26.	Trường ĐH Lạc Hồng
12.	Trường ĐH Vinh	27.	Trường Đại học Kinh tế Tài chính TP.HCM
13.	Học viện An ninh nhân dân	28.	Trường ĐH Công thương TP. HCM
14.	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	29.	Trường ĐH Kinh tế quốc dân
15.	Trường Đại học Thương mại	30.	Trường ĐH Kinh tế TP. HCM

2. Các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế

STT	Cơ sở cấp chứng chỉ	Các chứng chỉ được công nhận			
		IELTS	TOEFL	Cambridge Exam	Aptis ESOL
1.	Educational Testing Service (ETS)		√		
2.	British Council (BC)	√			√
3.	International Development Program (IDP)	√			
4.	Cambridge ESOL	√		√	

3. Chứng nhận ngoại ngữ tiếng Anh của trường ĐH Ngoại ngữ, ĐHQGHN.

Phụ lục 3
Danh sách các ngành đào tạo bậc đại học được xét tuyển thẳng
bậc thạc sĩ năm 2024

(Kèm theo thông báo số /TB-DHCN ngày tháng năm 2024
của Trường Đại học Công nghệ)

STT	Chương trình đào tạo thạc sĩ	Ngành đào tạo bậc Đại học được xét tuyển thẳng
1.	An toàn thông tin	Công nghệ thông tin
2.	Kỹ thuật phần mềm	Công nghệ thông tin định hướng thị trường Nhật Bản
3.	Hệ thống thông tin	Khoa học máy tính
4.	Khoa học máy tính	Hệ thống thông tin
5.	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu
6.	Kỹ thuật điện tử	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử Kỹ thuật máy tính Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa Kỹ thuật robot Công nghệ hàng không vũ trụ Vật lý kỹ thuật
7.	Cơ kỹ thuật	Cơ kỹ thuật Công nghệ hàng không vũ trụ Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
8.	Kỹ thuật cơ điện tử	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông Cơ kỹ thuật
9.	Vật liệu và linh kiện nano	Vật lý kỹ thuật Kỹ thuật Năng lượng Vật lý Sư phạm Vật lý Khoa học vật liệu Công nghệ vật liệu Hóa học Sư phạm Hóa học Công nghệ kỹ thuật hóa học Vật liệu thông minh
10.	Kỹ thuật xây dựng	Cơ kỹ thuật Nhóm ngành: 75101,75801, 75802, 75803

Phụ lục 4

**Danh mục ngành phù hợp và các học phần bổ sung kiến thức
dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ**

(Kèm theo thông báo số /TB-ĐHCN ngày tháng năm 2024
của Trường Đại học Công nghệ)

TT	Ngành đào tạo Thạc sĩ	Danh sách ngành phù hợp không phải học bổ sung kiến thức	Ngành phù hợp phải học bổ sung kiến thức	
			Tên ngành	Học phần bổ sung kiến thức (*)
1.	An toàn thông tin		Toán tin, Toán ứng dụng, Khoa học máy tính và thông tin, Khoa học dữ liệu, Khoa học tính toán, Sư phạm tin học, Tin học và kỹ thuật máy tính, Khoa học và kỹ thuật máy tính, Toán học, Toán cơ, Sư phạm toán học, Thống kê, Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông, Kỹ thuật điện tử - viễn thông, Công nghệ hàng không vũ trụ.	- Toán rời rạc (4 tín chỉ) - Lập trình nâng cao (4 tín chỉ) - Cấu trúc dữ liệu và giải thuật (4 tín chỉ) - Nhập môn an toàn thông tin (3 tín chỉ)
2.	Kỹ thuật phần mềm	An toàn thông tin, Khoa học máy tính, Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu, Kỹ thuật phần mềm, Hệ thống thông tin, Kỹ thuật máy tính, Trí tuệ nhân tạo, Công nghệ kỹ thuật máy tính, Công nghệ thông tin.	Toán tin, Toán ứng dụng, Khoa học máy tính và thông tin, Khoa học dữ liệu, Khoa học tính toán, Sư phạm tin học, Sư phạm công nghệ, Sư phạm Khoa học tự nhiên, Hệ thống thông tin quản lý, Tin học và kỹ thuật máy tính, Khoa học và kỹ thuật máy tính, Toán học, Toán cơ, Sư phạm toán học, Thống kê, Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá, Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử, Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông, Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử, Kỹ thuật Robot, Kỹ thuật điện tử - viễn thông, Công nghệ hàng không vũ trụ, Công nghệ nông nghiệp.	- Toán rời rạc (4 tín chỉ) - Lập trình nâng cao (4 tín chỉ) - Cấu trúc dữ liệu và giải thuật (4 tín chỉ) - Công nghệ phần mềm (3 tín chỉ)
3.	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu		Toán tin, Toán ứng dụng, Khoa học máy tính và thông tin, Khoa học dữ liệu, Khoa học tính toán, Sư phạm tin học, Tin học và kỹ thuật máy tính, Khoa học và kỹ thuật máy tính, Toán học, Toán cơ, Sư phạm toán học, Thống kê, Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá, Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông, Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử, Kỹ thuật điện tử - viễn thông.	- Toán rời rạc (4 tín chỉ) - Lập trình nâng cao (4 tín chỉ) - Cấu trúc dữ liệu và giải thuật (4 tín chỉ) - Mạng máy tính (4 tín chỉ)

TT	Ngành đào tạo Thạc sĩ	Danh sách ngành phù hợp không phải học bổ sung kiến thức	Ngành phù hợp phải học bổ sung kiến thức	
			Tên ngành	Học phần bổ sung kiến thức (*)
4.	Hệ thống Thông tin		Toán tin, Toán ứng dụng, Khoa học máy tính và thông tin, Khoa học dữ liệu, Khoa học tính toán, Sư phạm tin học, Sư phạm công nghệ, Sư phạm Khoa học tự nhiên, Hệ thống thông tin quản lý, Khoa học và kỹ thuật máy tính, Toán học, Toán cơ, Sư phạm toán học, Thống kê, Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử, Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông, Kỹ thuật điện tử - viễn thông, Công nghệ hàng không vũ trụ, Công nghệ nông nghiệp.	<ul style="list-style-type: none"> - Toán rời rạc (4 tín chỉ) - Lập trình nâng cao (4 tín chỉ) - Cấu trúc dữ liệu và giải thuật (4 tín chỉ) - Công nghệ phần mềm (3 tín chỉ)
5.	Khoa học Máy tính		Toán tin, Toán ứng dụng, Khoa học máy tính và thông tin, Khoa học dữ liệu, Khoa học tính toán, Sư phạm Tin học, Tin học và Kỹ thuật máy tính, Khoa học và Kỹ thuật máy tính, Toán học, Toán cơ, Sư phạm Toán học, Thống kê, Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá, Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông, Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử, Kỹ thuật Robot, Kỹ thuật điện tử - viễn thông.	<ul style="list-style-type: none"> - Toán rời rạc (4 tín chỉ) - Lập trình nâng cao (4 tín chỉ) - Cấu trúc dữ liệu và giải thuật (4 tín chỉ) - Công nghệ phần mềm (3 tín chỉ)
6.	Kỹ thuật điện tử	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông, Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử, Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Kỹ thuật điện, Kỹ thuật điện tử - viễn thông, Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Kỹ thuật máy tính, Công nghệ kỹ thuật máy tính, Kỹ thuật điện tử và tin học, Tin học và Kỹ thuật máy tính, Khoa học và Kỹ thuật máy tính, Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử, Kỹ thuật cơ điện tử, Kỹ thuật Robot, Công nghệ hàng không vũ trụ, Vật lý kỹ thuật.	Vật lý học, Sư phạm kỹ thuật công nghiệp, Sư phạm công nghệ, Sư phạm Khoa học tự nhiên, Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu, Công nghệ nông nghiệp, Công nghệ kỹ thuật xây dựng, Cơ kỹ thuật, Kỹ thuật năng lượng, Khoa học máy tính, Công nghệ thông tin, Trí tuệ nhân tạo, Trí tuệ nhân tạo và IoT, Kỹ thuật radar - dẫn đường, Kỹ thuật y sinh.	<ul style="list-style-type: none"> - Linh kiện điện tử (3 tín chỉ) - Điện tử tương tự (3 tín chỉ) - Điện tử số (3 tín chỉ) - Xử lý tín hiệu số (4 tín chỉ) - Kỹ thuật điều khiển (3 tín chỉ)
7.	Cơ kỹ thuật	Cơ kỹ thuật; Kỹ thuật cơ khí; Kỹ thuật cơ điện tử; Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá; Công nghệ kỹ thuật cơ khí; Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử; Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Công nghệ chế tạo máy; Công nghệ kỹ thuật xây dựng; Công nghệ kỹ thuật giao thông; Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng; Kỹ thuật xây dựng; Kỹ thuật hàng không; Công nghệ hàng không vũ trụ; Toán cơ; Công nghệ kỹ thuật kiến trúc.	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy; Kỹ thuật xây dựng công trình biển; Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông; Công nghệ kỹ thuật môi trường; Vật lý kỹ thuật; Toán học; Vật lý học; Khoa học vật liệu; Công nghệ kỹ thuật hạt nhân; Toán ứng dụng; Toán tin; Kỹ thuật tài nguyên nước; Khí tượng và khí hậu học; Hải dương học; Thủy văn học.	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ học môi trường liên tục (4 tín chỉ) - Cơ học vật rắn biến dạng (3 tín chỉ) - Cơ học chất lỏng (3 tín chỉ) - Nhập môn cơ điện tử (3 tín chỉ)

TT	Ngành đào tạo Thạc sĩ	Danh sách ngành phù hợp không phải học bổ sung kiến thức	Ngành phù hợp phải học bổ sung kiến thức	
			Tên ngành	Học phần bổ sung kiến thức (*)
8.	Kỹ thuật Cơ điện tử	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Kỹ thuật cơ điện tử; Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Cơ kỹ thuật; Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá; Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông; Kỹ thuật điện tử - viễn thông; Công nghệ chế tạo máy.	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu; Kỹ thuật hàng không; Công nghệ hàng không vũ trụ; Vật lý kỹ thuật; Vật lý học; Công nghệ kỹ thuật xây dựng; Công nghệ kỹ thuật giao thông; Toán cơ; Toán ứng dụng; Toán tin.	- Công nghệ chế tạo máy (3 tín chỉ) - Vi xử lý và vi điều khiển (3 tín chỉ) - Cơ sở kỹ thuật điện (2 tín chỉ)
9.	Vật liệu và Linh kiện Nano	Vật lý kỹ thuật, Kỹ thuật Năng lượng, Vật lý học, Vật lý y khoa, Vật lý nguyên tử và hạt nhân, Sư phạm Vật lý, Khoa học vật liệu, Công nghệ kỹ thuật hạt nhân, Công nghệ vật liệu, Hóa học, Sư phạm Hóa học, Công nghệ kỹ thuật hóa học, Kỹ thuật hóa học, Kỹ thuật vật liệu, Vật liệu thông minh, Công nghệ vật liệu, Kỹ thuật vật liệu kim loại.	Cơ kỹ thuật, Kỹ thuật cơ điện tử Kỹ thuật điện, Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử, Kỹ thuật điện tử - viễn thông, Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Kỹ thuật môi trường, Công nghệ sinh học, Công nghệ kỹ thuật môi trường, Sư phạm Sinh học, Sư phạm Khoa học tự nhiên, Cơ học, Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Kỹ thuật nhiệt, Kỹ thuật hàng không, Công nghệ hàng không vũ trụ, Công nghệ nông nghiệp, Kỹ thuật điện tử và tin học.	- Khoa học vật liệu đại cương (3 tín chỉ) - Kỹ thuật đo lường và cảm biến trong Vật lý (3 tín chỉ) - Kỹ thuật Hóa học và Ứng dụng (3 tín chỉ)
10.	Kỹ thuật xây dựng	- Các ngành thuộc nhóm ngành 75101; 75801; 75802; 75803. - Cơ kỹ thuật 7520101		

Ghi chú:

- (*) Trường hợp thí sinh phải học bổ sung kiến thức: căn cứ vào bảng điểm đại học, Hội đồng tuyển sinh sẽ thông báo cụ thể học phần mà thí sinh cần bổ sung (tối đa trong Phụ lục 4). Thí sinh phải hoàn thành học phần bổ sung trước khi dự tuyển.
- Trường hợp thí sinh đã tốt nghiệp bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp hoặc ngành đào tạo chưa được liệt kê trong Phụ lục 4, sẽ được Hội đồng tuyển sinh xem xét, quyết định.

Phụ lục 5

**Danh mục ngành, chỉ tiêu và phương thức tuyển sinh
đợt 2 năm 2024 của Trường Đại học Công nghệ, ĐHQGHN**

(Kèm theo thông báo số /TB-ĐHCN ngày tháng năm 2024
của Trường Đại học Công nghệ)

STT	Ngành đào tạo	Chỉ tiêu		
		Xét tuyển thăng	Xét tuyển	Tổng
1.	Khoa học máy tính	30	30	60
2.	Kỹ thuật phần mềm	10	10	20
3.	Mạng máy tính và Truyền thông dữ liệu	05	05	10
4.	Hệ thống thông tin	10	10	20
5.	An toàn thông tin	05	05	10
6.	Kỹ thuật điện tử <i>Với 3 chuyên ngành: Bán dẫn và vi mạch; Kỹ thuật máy tính; Xử lý tín hiệu và truyền thông</i>	20	20	40
7.	Kỹ thuật xây dựng <i>Với 2 chuyên ngành: Kỹ thuật xây dựng; Quản lý đô thị và công trình</i>	8	7	15
8.	Vật lý kỹ thuật <i>(chuyên ngành Vật liệu và linh kiện nano)</i>	5	5	10
9.	Cơ kỹ thuật	2	3	05
10.	Kỹ thuật cơ điện tử	5	5	10
	Tổng	100	100	200

Lưu ý:

- Chỉ tiêu tuyển sinh có thể được điều chỉnh để phù hợp với tình hình thực tế, không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của thí sinh dự tuyển;
- Các ngành có từ 02 chuyên ngành trở lên: dựa trên số lượng thí sinh trúng tuyển của mỗi chuyên ngành, Nhà trường sẽ tổ chức đào tạo theo phương án khả thi.

Mẫu 1: Sơ yếu lý lịch

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Khóa:

SƠ YẾU LÝ LỊCH
(Bậc sau đại học)

Ảnh màu
3x4
có đóng dấu
giáp lai

Mã số học viên/NCS:

Chuyên ngành:

Đối tượng tuyển sinh: Xét tuyển

Đối tượng ưu tiên:

Họ và tên:

Ngày sinh: Giới tính:

Nơi sinh:

Nguyên quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố):

Hộ khẩu thường trú (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố):

Nơi ở hiện nay (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố):

Dân tộc: Tôn giáo:

Ngày và nơi vào Đoàn TNCS HCM:

Ngày và nơi vào Đảng CSVN:

Ngày nhập ngũ: Ngày xuất ngũ:

Ngày vào biên chế Nhà nước:

Trình độ ngoại ngữ:

Chức vụ và nơi làm việc hiện nay:

Sở trường, năng khiếu:

Số Giấy CMND: E-mail:

ĐT cá nhân: ĐT gia đình:

Khi cần, báo tin cho ai và theo địa chỉ:

Quá trình hoạt động, học tập của bản thân (từ tháng, năm đến tháng, năm; làm gì, ở đâu):

Khen thưởng (ghi rõ các loại học bổng, giải thưởng, giấy khen đã nhận):

Kỷ luật:

Họ và tên Bố: **Năm sinh:**

Nguyên quán:

Nơi ở hiện nay:

Nghề nghiệp, chức vụ hiện nay:

Nơi làm việc:

Tóm tắt những mốc chính trong quá trình làm việc:

Họ và tên Mẹ: **Năm sinh:**

Nguyên quán:

Nơi ở hiện nay:

Nghề nghiệp, chức vụ hiện nay:

Nơi làm việc:

Tóm tắt những mốc chính trong quá trình làm việc:

Anh chị em ruột, vợ hoặc chồng, con (nếu có)

(Ghi rõ họ và tên, ngày sinh, nghề nghiệp, chức vụ, nơi làm việc, học tập của từng người)

Lời cam đoan

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật, nếu có gì sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật!

**Xác nhận của UBND xã/phường
hoặc của cơ quan nơi công tác**

....., ngày tháng năm 2024
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ, họ và tên)

Ngày tháng năm 2024
Người khai

(Ký tên, ghi rõ họ và tên)